

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2024/KDTM-ST
Ngày: 22 - 7 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Như Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Hữu Trục
- Bà Đoàn Thị Thanh Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Diệu Hào - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 13/2024/TLST-KDTM ngày 28 tháng 02 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-KDTM ngày 27 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 112/2024/QĐST-KDTM ngày 21 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q1 (MB); Địa chỉ: Số A L, phường T, quận C, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Trung T - Chủ tịch Hội đồng quản trị MB.

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH Q2 và khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Q1; Địa chỉ: Số C L, phường L, quận B, Thành phố Hà Nội (Văn bản ủy quyền số 129/UQ.MB-MBAMC ngày 13/4/2023)/ Ông Lê Thanh H, Giám đốc Chi nhánh Công ty M AMC/ Ông Trương Phương N, Chuyên viên xử lý nợ của Công ty M; Địa chỉ: Tầng C - Số A L, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (Các Văn bản ủy quyền số 24702/UQ-MBAMC ngày 13/4/2023 và số: 1255/UQ-MBAMC ngày 18/12/2023); ông N có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH MTV P; Địa chỉ: Lô M khu tái định cư L GD2, phường P (nay là phường T), thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Vi Q - Giám đốc Công ty; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Vi Q, sinh năm 1987; Địa chỉ: Lô M khu tái định cư L GD2, phường P (nay là phường T), thành

phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện đề ngày 18-12-2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP Q1 trình bày:

Ngày 10/11/2022, giữa Ngân hàng TMCP Q1 (sau đây viết tắt là MB) và Công ty TNHH MTV P (sau đây viết tắt là Công ty P) và đã ký kết Hợp đồng cấp tín dụng số: 98696.22.502.10210135.TD và Thỏa thuận chung số 98717.22.502.10210135.TT, theo đó Công ty P được cấp hạn mức tín dụng là 9.000.000.000đồng.

Trên cơ sở Hợp đồng cấp tín dụng và Thỏa thuận chung nêu trên, từ tháng 10/2023 đến tháng 4/2024, Công ty P đã ký các văn bản nhận nợ với MB để được giải ngân 12 lần với tổng số tiền vay là 8.757.000.000đồng, cụ thể như sau:

Số Hợp đồng tín dụng	Số kế ước	Ngày giải ngân	Ngày đáo hạn	Mục đích vay vốn	Thời hạn khoản vay	Lãi suất	Du nợ (đồng)
- Hợp đồng cấp tín dụng số: 98696.22.502.10210135.TD ngày 10/11/2022.	LD2313643759	16/5/2023	16/10/2023	Thanh toán hóa đơn số 12504, 13061	05 tháng	Được thỏa thuận tại Văn bản nhận nợ	100.000.000
- Thỏa thuận chung số: 98717.22.502.10210135.TT ngày 10/11/2022.	LD 2313651884	16/5/2023	16/10/2023	Thanh toán hóa đơn số 13577	05 tháng	Được thỏa thuận tại Văn bản nhận nợ	100.000.000
	LD2313841438	18/5/2023	18/10/2023	Thanh toán hóa đơn số 00012551	05 tháng	Được thỏa thuận tại Văn bản nhận nợ	100.000.000
	LD2313835572	18/5/2023	18/10/2023	Thanh toán hóa đơn số 15403, 17085, 17086	05 tháng	Được thỏa thuận tại Văn bản nhận nợ	200.000.000
	LD2316048716	09/6/2023	09/11/2023	Thanh toán hóa đơn số 18344	05 tháng	Được thỏa thuận tại Văn bản nhận nợ	137.000.000
	LD2317269398	21/6/2023	21/11/2023	Thanh toán hóa đơn số 18666, 20273	05 tháng	Được thỏa thuận tại Văn bản nhận nợ	150.000.000
	LD2324003099	28/8/2023	29/01/2024	Thanh toán tiền hàng	05 tháng	Được thỏa thuận tại Văn bản nhận nợ	442.000.000

	LD2325026810	07/9/2023	07/02/2024	Thanh toán tiền cho Công ty Thiên Nghi	05 tháng	Được thỏa thuận tại Văn bản nhận nợ	1.000.000.00
	LD2325117909.1	08/9/2023	08/02/2024	Thanh toán tiền cho Công ty Thiên Nghi	05 tháng	Được thỏa thuận tại Văn bản nhận nợ	1.000.000.00
	LD2325117909.2	08/9/2023	08/02/2024	Thanh toán tiền cho Công ty Thiên Nghi	05 tháng	Được thỏa thuận tại Văn bản nhận nợ	980.000.00
	LD2325816784	15/9/2023	15/02/2024	Thanh toán tiền cho Công ty Thiên Nghi	05 tháng	Được thỏa thuận tại Văn bản nhận nợ	3.648.000.00
9173637896336	10/11/2022	04/11/2023	Thấu chi	05 tháng	Được thỏa thuận tại Văn bản nhận nợ	900.000.00	
Tổng số tiền giải ngân							8.757.000.00

Để bảo đảm cho các khoản vay trên, ngày 10/11/2022 bà **Nguyễn Thị Vi Q** đã ký kết Hợp đồng thế chấp số 98722.22.502.10210135.BD với MB để thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số M05, tờ bản đồ số KQH, diện tích 230m² tại khu tái định cư L, phường P (nay là phường T), thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế theo Giấy chứng nhận sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BT 250082, vào sổ cấp GCN số: 00870-2015/06-159 do Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 20/7/2015 đứng tên bà **Nguyễn Thị Vi Q**.

Sau khi vay vốn, **Công ty P** đã không trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng và các Văn bản nhận nợ đã ký kết. Từ ngày 16/9/2023, toàn bộ khoản vay của **Công ty P** đã bị quá hạn.

Tại Đơn khởi kiện, MB yêu cầu **Công ty P** phải trả số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 01/12/2023 là: 8.945.446.323 đồng (trong đó, nợ gốc: 8.756.991.354 đồng; nợ lãi: 188.454.969 đồng). Số tiền lãi tiếp tục phát sinh trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án.

Quá trình chuẩn bị xét xử, người có tài sản bảo đảm là bà **Nguyễn Thị Vi Q** đã bàn giao tài sản bảo đảm nói trên để MB xử lý thu hồi nợ.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024, MB đã xử lý bán đấu giá công khai tài sản nêu trên và thu hồi được số nợ của **Công ty P** là 8.992.665.724 đồng (trong đó, MB đã thu nợ gốc là 8.756.991.354 đồng, thu nợ lãi là 235.674.370 đồng).

Tính đến hết ngày 19 tháng 7 năm 2024, Công ty P chỉ còn nợ MB số tiền nợ lãi là 605.722.770đồng. Nay MB yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty P phải trả cho MB số nợ lãi là 605.722.770đồng và tiền lãi chậm trả phát sinh kể từ ngày 20/7/2024.

MB xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số dư nợ là 8.992.665.724đồng do bị đơn đã thanh toán và rút yêu cầu Tòa án giải quyết xử lý đối với tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số số 98722.22.502.10210135.BD ngày 10/11/2022.

* Bị đơn - Công ty TNHH MTV P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Nguyễn Thị Vi Q:

Theo Thông tin do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh T cung cấp thì Công ty P vẫn đang hoạt động. Tòa án đã triệu tập Công ty P nhưng thực tế Công ty đã không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty P, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Nguyễn Thị Vi Q có nơi đăng ký thường trú tại địa chỉ trụ sở của Công ty. Kết quả xác minh tại Công an phường P và Công an phường T, thành phố H cho biết bà Q đã đi khỏi nơi cư trú nên Tòa án không thu thập được lời khai của bà Q trong hồ sơ vụ án.

Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại trụ sở của bị đơn và nơi cư trú của bà Nguyễn Thị Vi Q theo đúng quy định tại khoản khoản 3 Điều 177, Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bà Q không đến Tòa án làm việc và cũng không có ý kiến phản hồi.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý, Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại các Điều 70, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 280, 357 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Thông tư số 39/2016/NHNN được sửa đổi, bổ sung năm 2022.

Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút là số tiền nợ 8.992.665.724đồng và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số số 98722.22.502.10210135.BD ngày 10/11/2022. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP Q1: Buộc Công ty TNHH MTV P phải trả cho Ngân hàng TMCP Q1 số tiền nợ lãi tính đến ngày 19/7/2024 là 605.722.770đồng. Công ty P

tiếp tục chịu khoản chậm trả theo thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng và Văn bản nhận nợ mà các bên đã ký kết kể từ ngày 20/7/2024 cho đến khi thành hành xong khoản nợ trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Ngân hàng TMCP Q1 khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH MTV P phải thanh toán nợ theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tranh chấp phát sinh giữa các bên có đăng ký kinh doanh và nhằm mục đích lợi nhuận nên đây là vụ án kinh doanh thương mại; bị đơn có trụ sở tại thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Do đó quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hiệu lực của Hợp đồng tín dụng, Thỏa thuận chung, các Văn bản nhận nợ: Hợp đồng cấp tín dụng số: 98696.22.502.10210135.TD, Thỏa thuận chung số 98717.22.502.10210135.TT và các Văn bản nhận nợ được Công ty P và MB ký kết trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên kể từ ngày ký kết nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong Hợp đồng tín dụng, Thỏa thuận chung và các Văn bản nhận nợ nêu trên.

[2.2] Ngân hàng TMCP Q1 đã giải ngân cho Công ty P vay số tiền 8.757.000.000đồng theo 12 Khế ước nhận nợ. Quá trình vay, Công ty P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và đến ngày 16/9/2023, toàn bộ dư nợ đã chuyển sang nợ quá hạn. Do đó, MB khởi kiện Công ty P phải có nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ vay nói trên bao gồm nợ gốc và nợ lãi theo thỏa thuận đã ký kết tại các hợp đồng tín dụng là có căn cứ pháp luật.

Tuy nhiên, sau khi MB khởi kiện, người có tài sản bảo đảm là bà Nguyễn Thị Vi Q đã bàn giao tài sản bảo đảm nói trên để MB xử lý thu hồi nợ. Đến ngày 20/6/2024, MB đã bán đấu giá công khai tài sản nêu trên và thu hồi được số nợ của Công ty P là 8.992.665.724đồng (gồm cả lần thanh toán tiền gốc 4.665.641 đồng vào ngày 15/3/2024). Số tiền này MB đã ưu tiên thu toàn bộ nợ gốc là 8.756.991.354 đồng và thu một phần nợ lãi là 235.674.370đồng.

Vì vậy, tại phiên tòa MB rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 8.992.665.724đồng (rút yêu cầu giải quyết toàn bộ số nợ gốc và một phần nợ lãi); đồng thời MB xin rút yêu cầu giải quyết xử lý đối với tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 98722.22.502.10210135.BD ngày 10/11/2022.

Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của MB là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của Ngân hàng TMCP Q1 đã rút.

[2.3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả nợ lãi và lãi suất phát sinh:

Tính đến hết ngày 19/7/2024, Công ty P chỉ còn nợ Ngân hàng TMCP Q1 số tiền lãi là 605.722.770đồng.

Nay MB yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty P phải trả số tiền nợ lãi còn lại là 605.722.770đồng; đồng thời, Công ty P phải có trách nhiệm tiếp tục trả cho MB tiền lãi chậm trả phát sinh thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, Thỏa thuận chung cùng các Văn bản nhận nợ đính kèm kể từ ngày 20/7/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Xét thấy tại Bảng kê tính lãi đối với khoản vay của Công ty P do Ngân hàng TMCP Q1 cung cấp, cách tính lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn của Ngân hàng đối với từng khoản vay là phù hợp với lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, bản Thỏa thuận chung kèm các Văn bản nhận nợ và phù hợp với các quy định của pháp luật tại từng thời điểm tính lãi suất. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q1 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên cần được chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi phát sinh trên số tiền nợ lãi chậm trả của MB là phù hợp với thỏa thuận tại điểm c khoản 5, khoản 6 của các Văn bản nhận nợ; tiêu mục iii mục a và tiêu mục iii mục b điểm 4.4.1, khoản 4.4; điểm 4.6.2 khoản 4.6 Điều 4 Phần I của Thỏa thuận chung ngày 10/12/2023; phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP11/01/2019 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Q1 tự nguyện chịu toàn bộ số tiền xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000đồng và đã nộp đủ.

[4] Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu nên không phải chịu án phí, được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn Công ty TNHH MTV P phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền 605.722.770đồng là: 28.228.911 đồng (20.000.000đồng + 4% x 205.722.770đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227, Điều 228; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 244 Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Áp dụng: Khoản 1 Điều 275; Điều 280; Điều 353 Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7; điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao,

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút là số tiền nợ 8.992.665.724 đồng và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số số 98722.22.502.10210135.BD ngày 10/11/2022.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP Q1;

Buộc Công ty TNHH MTV P phải trả cho Ngân hàng TMCP Q1 số tiền nợ lãi tính đến ngày 19/7/2024 là 605.722.770 đồng.

Kể từ ngày 20/7/2024 cho đến khi thành hành xong khoản nợ trên, Công ty P tiếp tục chịu khoản tiền lãi chậm trả phát sinh theo thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng và Văn bản nhận nợ mà các bên đã ký kết.

3. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Q1 tự nguyện chịu toàn bộ số tiền xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng và đã nộp đủ.

4. Về án phí:

- Bị đơn Công ty TNHH MTV P phải chịu 28.228.911 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q1 không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Q1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 58.472.000 đồng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0003182 ngày 28/02/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- CCTHADS thành phố Huế;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Như Thuận

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu T1 Đoàn Thị Thanh Nhân Hoàng Thị Như T2

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)